TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2. Bà Lê Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1958
Địa chỉ: 414/111 Đường Đ, Phường M, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm 1956
Địa chỉ: 234 Đường V, Phường N, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn ông Nguyễn Duy Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng N tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/90, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/1990. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó do công việc của cả hai đều bận rộn, vợ chồng thiếu sự quan tâm và không có tiếng nói chung nên cả hai đã sống ly thân suốt một thời gian dài. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên nay ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không nợ ai và cũng không có ai nợ ông bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bà N vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Duy Q là quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N có địa chỉ cư trú tại 234 Võ Văn Tần, Phường N, Quận A, TP. Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn ông Nguyễn Duy Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Q.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Q và bà N bà tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 26/90 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/1990. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Q và bà N có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã có một thời gian dài sống ly thân.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình thì *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….."*. Hội đồng xét xử xét thấy, đã một thời gian dài ông Q và bà N ly thân mạnh ai nấy lo, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình tuy nhiên bà N luôn vắng mặt. Vì vậy có cơ sở xác định thực trạng mâu thuẫn giữa ông Q và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc ly hôn với ông bà N.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống, ông Q và bà N không có con chung.

[3.3.] Về chia tài sản chung:

Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí:

Ông Q là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia Đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Duy Q được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N.

- Về con chung: Không có.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- UBND Phường M, Quận I, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Sơn